|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS-THPT HAI BÀ TRƯNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **MÃ ĐỀ: 475** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**  **NĂM HỌC 2021 - 2022**  **MÔN: SINH HỌC – LỚP 12**  *Thời gian: 50 phút*  *(Không kể thời gian phát đề)* |

**Câu 1:** Trên một cây to có nhiều loài chim cùng sinh sống, có loài có mỏ ngắn rộng, có loài có mỏ nhọn, có loài có mỏ quắp khỏe hình thành nên:

1. Các nơi cư trú tương đương nhau. C. Các ổ sinh thái dinh dưỡng khác nhau.
2. Các ổ sinh thái dinh dưỡng giống nhau. sD. Các loài có cùng nơi cư trú.

**Câu 2:** Trong rừng mưa nhiệt đới có nhiều loài cây khác nhau cùng sinh sống: một số loài cây có tán lá vươn lên cao, một số loài lại ưa sống dưới tán của các loài khác hình thành nên:

1. Các ổ sinh thái về ánh sáng khác nhau giữa các tầng cây trong rừng.
2. Các nơi cư trú khác nhau giữa các tầng cây trong rừng.
3. Các ổ sinh thái về ánh sáng giống nhau giữa các tầng cây trong rừng.
4. Nhiều khu vực sống khác nhau giữa các loài cây trong rừng.

**Câu 3:** Trong một ao, người ta có thể nuôi kết hợp nhiều loài cá: cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, cá trôi, cá chép ... vì:

1. Mỗi loài có một ổ sinh thái riêng nên sẽ giảm mức độ cạnh tranh gay gắt với nhau.
2. Tạo sự đa dạng trong hệ sinh thái ao.
3. Tận dụng được nguồn thức ăn là các loài động vật nổi và tảo.
4. Tận dụng được nguồn thức ăn là các loài động vật đáy.

**Câu 4:** Giới hạn sinh thái về nhiệt độ các loài như sau: Loài A : 40C – 280C; loài B: 5,60C – 380C; loài C: 180C – 380C và loài D: 40C – 220C. Loài có khả năng phân bố hẹp nhất và rộng nhất là

1. C và D. B. D và C. C. A và C. D. D và B.

**Câu 5:** Tháp tuổi của quần thể dạng phát triển có:

1. Nhóm tuổi trước sinh sản lớn hơn các nhóm tuổi còn lại.
2. Nhóm tuổi trước sinh sản bé hơn các nhóm tuổi còn lại.
3. Nhóm tuổi trước sinh sản chỉ lớn hơn nhóm tuổi sau sinh sản.
4. Nhóm tuổi trước sinh sản bằng với các nhóm tuổi còn lại.

**Câu 6:** Quần thể bị diệt vong khi mất đi một số lượng lớn cá thể trong các nhóm tuổi:

1. Trước sinh sản và đang sinh sản. C. Trước sinh sản.
2. Trước sinh sản và sau sinh sản. D. Đang sinh sản.

**Câu 7:** Vai trò quan trọng của việc nghiên cứu về nhóm tuổi của quần thể là

A. Biết được tỉ lệ các nhóm tuổi trong quần thể. B.So sánh tỉ lệ nhóm tuổi của quần thể này với quần thể khác.

C. Giúp bảo vệ và khai thác tài nguyên hợp lý. D.Cân đối về tỉ lệ giới tính.

**Câu 8:** Kiểu phân bố nào sau đây **không phải** là kiểu phân bố cá thể của quần thể sinh vật trong tự nhiên?

A. Phân bố theo chiều thẳng đứng. C. Phân bố ngẫu nhiên.

B. Phân bố đồng đều. D. Phân bố theo nhóm.

**Câu 9:** Trong các kiểu phân bố cá thể trong tự nhiên, kiểu phân bố nào sau đây là kiểu phân bố phổ biến nhất của quần thể sinh vật?

1. Phân bố ngẫu nhiên. C. Phân bố đồng đều (đều).
2. Phân bố theo nhóm. D. Phân bố theo nhiều tầng thẳng đứng.

**Câu 10:** Kiểu phân bố nào của các cá thể trong quần thể có vai trò hỗ trợ lẫn nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường?

1. Kiểu phân bố đồng đều. C. Kiểu phân bố ngẫu nhiên.
2. Kiểu phân bố theo nhóm. D. Kiểu phân bố đặc trưng.

**Câu 11:** Các cây thông trong rừng có kiểu phân bố:

A. Theo nhóm. B. Đồng đều. C. Ngẫu nhiên. D. Riêng rẽ.

**Câu 12:** Hình thức phân bố đồng đều trong quần thể có ý‎ nghĩa sinh thái gì?

1. Các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt giành nguồn sống.
2. Giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể.
3. Các cá thể hỗ trợ nhau chống chọi với điều kiện bất lợi của môi trường.
4. Các cá thể tận dụng được nhiều nguồn sống từ môi trường.

**Câu 13:** Kiểu phân bố ngẫu nhiên của các cá thể trong quần thể thường gặp trong điều kiện nào?

1. Điều kiện sống phân bố không đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong QT.
2. Điều kiện sống phân bố không đồng đều, không có cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong QT
3. Điều kiện sống phân bố đồng đều, không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong QT.
4. Điều kiện sống phân bố đồng đều, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.

**Câu 14:** nghĩa sinh thái của kiểu phân bố ngẫu nhiên là gì?

1. Giảm sự cạnh tranh và tận dụng các nguồn sống tiềm tàng trong môi trường.
2. Làm giảm mức độ cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
3. Các cá thể hỗ trợ nhau chống lại các bất lợi của môi trường.
4. Sinh vật tận dụng được các nguồn sống tiềm tàng trong môi trường sống.

**Câu 15:** Khi nói về sự phân bố các cá thể trong không gian của quần xã, phát biểu nào sau đây **sai**?

1. Sinh vật phân bố theo chiều ngang thường tập trung nhiều ở vùng có điều kiện sống thuận lợi như vùng đất màu mỡ, độ ẩm thích hợp, thức ăn dồi dào.
2. Phân bố cá thể trong không gian của quần xã tùy thuộc vào nhu cầu sống của từng loài.
3. Sự phân bố cá thể trong tự nhiên có xu hướng làm giảm bớt mức độ cạnh tranh giữa các loài và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn sống trong môi trường.
4. Trong hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới, chỉ có sự phân tầng của các loài thực vật, không có sự phân tầng của các loài động vật.

**Câu 16:** Giữa các sinh vật khác loài có mối quan hệ:

1. Cạnh tranh và đối kháng. C. Hỗ trợ và đối kháng.
2. Hỗ trợ và cạnh tranh. D. Hỗ trợ và hội sinh.

**Câu 17:** Đặc điểm của các mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài trong quần xã là

1. Tất cả các loài đều bị hại. C. Không có loài nào có lợi
2. Các loài đều có lợi hoặc ít nhất không bị hại. D. Ít nhất có một loài bị hại.

**Câu 18:** Đặc điểm của các mối quan hệ đối kháng là

1. Tất cả các loài tham gia đều có hại.
2. Các loài tham gia một nửa có hại và một nửa có lợi.
3. Các loài tham gia có ít nhất là một loài có hại và một loài có lợi.
4. Các loài tham gia, ít nhất có một loài bị hại.

**Câu 19:** Quan hệ sống chung của hai loài A và B, cả hai loài đều có lợi về dinh dưỡng lẫn nơi ở, nhưng nếu sự hợp tác này không xảy ra, thì cả hai loài không thể tồn tại và phát triển, đó là mối quan hệ nào?

1. Quan hệ hợp tác. C. Quan hệ hỗ trợ.
2. Quan hệ cộng sinh. D. Quan hệ hội sinh.

**Câu 20:** Quan hệ sống chung của hai loài A và B, cả hai loài đều có lợi về dinh dưỡng lẫn nơi ở, nhưng nếu sự hợp tác này không xảy ra, thì cả hai loài vẫn có thể tồn tại và phát triển, đó là mối quan hệ nào?

1. Quan hệ hợp tác. C. Quan hệ hỗ trợ.
2. Quan hệ cộng sinh. D. Quan hệ hội sinh.

**Câu 21:** Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó có một loài sống trên cơ thể của một loài còn lại là quan hệ:

1. Con mồi – con vật ăn thịt. C. Cạnh tranh.
2. Sinh vật kí sinh – sinh vật chủ. D. Ức chế cảm nhiễm.

**Câu 22:** Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ

1. Quan hệ cộng sinh. C. Quan hệ hội sinh.
2. Ký sinh – vật chủ D. Ức chế cảm nhiễm.

**Câu 23:** Trùng roi sống trong ruột con mối là mối quan hệ:

1. Hợp tác. C. Sinh vật kí sinh – sinh vật chủ.
2. Cộng sinh. D. Sinh vật này ăn sinh vật khác.

**Câu 24:** Loài cá nhỏ kiếm thức ăn dính ở kẽ răng của cá lớn, đồng thời làm sạch chân răng của cá lớn. Trên đây là mối quan hệ sinh thái nào?

1. Cộng sinh. B. Hợp tác. C. Kí sinh. D.Hội sinh.

**Câu 25:** Trong ruộng lúa, quan hệ giữa cây lúa và cây cỏ là mối quan hệ:

1. Hỗ trợ. B. Hội sinh. C. Cạnh tranh. D. Ức chế - giảm nhiễm.

**Câu 26:** Dây tơ hồng sống trên các tán cây trong rừng là mối quan hệ:

1. Cộng sinh. B. Cạnh tranh. C. Kí sinh. D. Hội sinh.

**Câu 27:** Trong một cái ao, giữa hai loài cá khác nhau có cùng nhu cầu thức ăn, kiểu quan hệ có thể xảy ra giữa hai loài cá là

1. Vật ăn thịt và con mồi. C. Ức chế - cảm nhiễm.
2. Cạnh tranh cùng loài. D. Cạnh tranh khác loài.

**Câu 28:** Loài rận sống trên da chó và hút máu chó để nuôi sống cơ thể là biểu hiện của mối quan hệ

1. cộng sinh. B. hội sinh. C. kí sinh - vật chủ. D. hợp tác.

**Câu 29:** Lưới thức ăn là gì?

1. Gồm một chuỗi thức ăn có nhiều bậc dinh dưỡng.
2. Gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.
3. Gồm nhiều chuỗi thức ăn có nhiều mắc xích chung.
4. Gồm ít nhất có 2 chuỗi thức ăn.

**Câu 30:** Cho một lưới thức ăn có sâu ăn hạt ngô, châu chấu ăn lá ngô, chim chích và ếch xanh đều ăn châu chấu và sâu, rắn hổ mang ăn ếch xanh. Trong lưới thức ăn trên, sinh vật tiêu thụ bậc hai là

1. Rắn hổ mang. C. Rắn hổ mang và chim chích.
2. Châu chấu và sâu. D. Chim chích và ếch xanh.

**Câu 31:** Nhận định nào sau đây **đúng**?

1. Mỗi loài sinh vật chỉ có thể tham gia vào một chuỗi thức ăn.
2. Mọi dạng tháp sinh thái trong tự nhiên luôn có dạng chuẩn.
3. Quần xã sinh vật càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn trong quần xã càng phức tạp.
4. Lưới thức ăn gồm nhiều chuỗi thức ăn không có mắc xích chung.

**Câu 32:** Loại tháp nào sau đây được xây dựng dựa trên số năng lượng được tích lũy trên một đơn vị diện tích hay thể tích, trong một đơn vị thời gian ở mỗi bậc dinh dưỡng?

1. Tháp sinh khối. B. Tháp số lượng. C. Tháp sinh thái. D. Tháp năng lượng.

**Câu 33:** Trong các loại tháp sinh thái, tháp nào có tính ưu việc nhất (hoàn thiện nhất – hoàn chỉnh nhất?

1. Tháp sinh khối. B. Tháp số lượng. C. Tháp năng lượng. D. Tháp tuổi.

**Câu 34:** Quan sát một tháp sinh khối có thể biết được thông tin nào sau đây?

1. Năng lượng bị tiêu hao qua hô hấp ở mỗi bậc dinh dưỡng.
2. Khối lượng sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng.
3. Số lượng cá thể sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng.
4. Hiệu suất sinh thái ở mỗi bậc dinh dưỡng.

**Câu 35:** Tháp số lượng được xây dựng dựa trên:

1. Khối lượng sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng.
2. Số lượng cá thể của cả một quần thể trong một đơn vị diện tích.
3. Năng lượng bị tiêu hao qua hô hấp ở mỗi bậc dinh dưỡng.
4. Số lượng cá thể sinh vật ở mỗi bậc dinh dưỡng.

**Câu 36:** Phát biểu nào sau đây **đúng** với tháp sinh thái?

1. Tháp khối lượng bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
2. Các loại tháp sinh thái bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
3. Tháp số lượng bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.
4. Tháp năng lượng bao giờ cũng có dạng đáy lớn, đỉnh nhỏ.

**Câu 37:** Khi nói về lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây **đúng**?

A. Lưới thức ăn ở rừng mưa nhiệt đới thường đơn giản hơn lưới thức ăn ở thảo nguyên.

B. Quần xã càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn càng đơn giản.

C. Lưới thức ăn của quần xã vùng ôn đới luôn phức tạp hơn so với quần xã vùng nhiệt đới.

D. Trong diễn thế sinh thái, lưới thức ăn của quần xã đỉnh cực phức tạp hơn quần xã suy thoái.

**Câu 38:** Khi nói về các thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây **đúng**?

A. Nấm hoại sinh là một trong số các nhóm sinh vật có khả năng phân giải chất hữu cơ thành các chất vô cơ.

B. Sinh vật sản xuất bao gồm thực vật, tảo và tất cả các loài vi khuẩn.

C. Sinh vật kí sinh và hoại sinh đều được coi là sinh vật phân giải.

D. Sinh vật tiêu thụ bậc 1 thuộc bậc dinh dưỡng cấp 3.

**Câu 39:** Cho chuỗi thức ăn: Tảo lục đơn bào → Tôm → Cá rô → Chim bói cá. Khi nói về chuỗi thức ăn này, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

I. Quan hệ sinh thái giữa tất cả các loài trong chuỗi thức ăn này đều là quan hệ cạnh tranh.

II. Quan hệ dinh dưỡng giữa cá rô và chim bói cá dẫn đến hiện tượng khống chế sinh học.

III. Tôm, cá rô và chim bói cá thuộc các bậc dinh dưỡng khác nhau.

IV. Sự tăng, giảm số lượng tôm sẽ ảnh hưởng đến sự tăng, giảm số lượng cá rô.

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

**Câu 40:** Một lưới thức ăn trên đồng cỏ được mô tả như sau: thỏ, chuột đồng, châu chấu và chim sẻ đều ăn cỏ; châu chấu là thức ăn của chim sẻ; cáo ăn thỏ và chim sẻ; cú mèo ăn chuột đồng. Trong lưới thức ăn này, sinh vật nào thuộc bậc dinh dưỡng cấp cao nhất?

A. Cáo. B. Chim sẻ. C. Cỏ. D. Thỏ.